CẬP NHẬT KẾT QUẢ KINH DOANH QUÝ 4/2025

CTCP Thép Mê Lin

Ngày 31/12/2025	6,300 VNĐ		
Thay đổi	*1 tháng*	*3 tháng*	*6 tháng*
	-1.6%	**5.0%**	**6.8%**

DT thuần
Q4/25
232
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 5.00| 2.2%
YoY: ▼51.0| -18.0%

LN thuần
Q4/25
2.15
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 1.53| 247%
YoY: ▼1.97| -47.7%

LN sau thuế
Q4/25
1.73
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 1.43| 476%
YoY: ▼2.33| -57.4%

Tỷ suất lãi EBIT
2025
4.2%
YoY: +/-▲ 0.4%

ROE
2025
3.6%
YoY: +/-▲ 0.5%

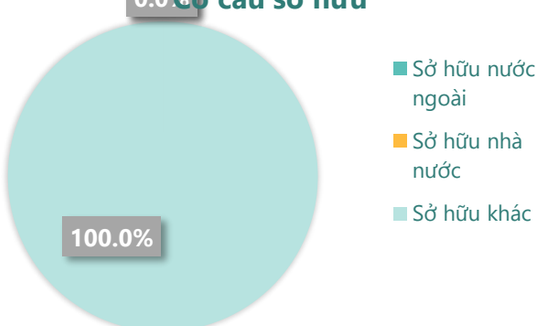
Sàn giao dịch	HNX
Khoảng giá 52 tuần	5,600 - 6,900
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	95
Số lượng CPLH (CP)	15,000,000
KLGD BQ 20 phiên (CP)	675
Sở hữu nước ngoài	0.0%
Beta	0.41
EPS	641
P/E	9.8

DT thuần
2025
837
tỷ VNĐ
YoY: ▼43.0| -4.8%

LN thuần
2025
3.92
tỷ VNĐ
YoY: ▼1.43| -26.7%

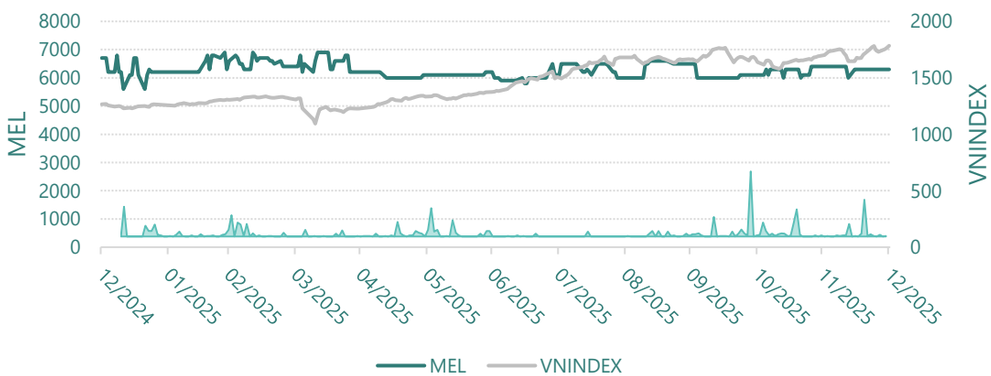
LN sau thuế
2025
9.61
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 1.50| 18.6%

Cơ cấu sở hữu

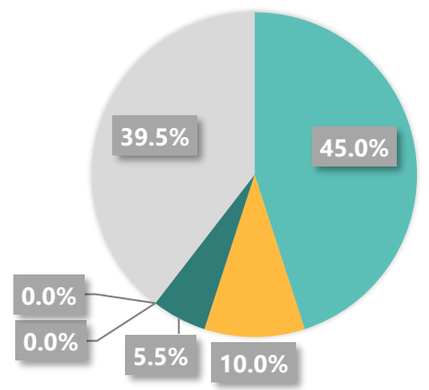


(Nguồn: fireant.vn)

Lịch sử giá



Cơ cấu cổ đông

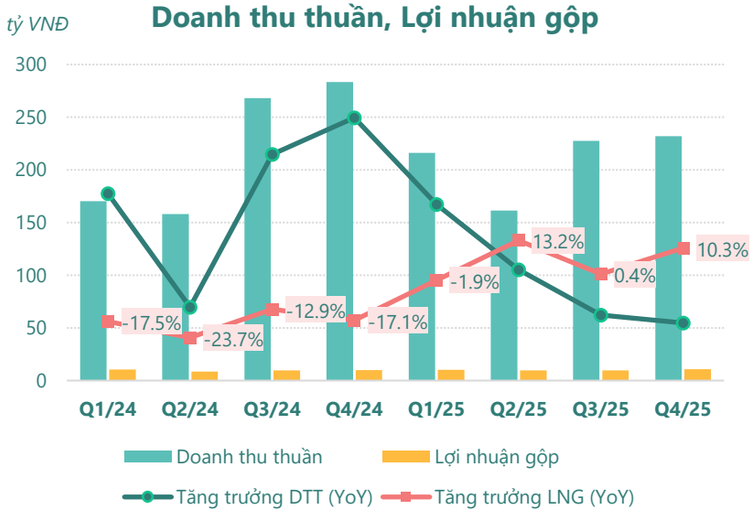


- Lê Thị Hương Giang (Chủ tịch HĐQT)
- Lê Hồng Minh (Phó Tổng giám đốc)
- Phạm Quang (Tổng giám đốc)
- Lê Minh Hải
- Đỗ Thị Xuân Kiệm (Trưởng ban kiểm soát)
- Khác

(Nguồn: fireant.vn)

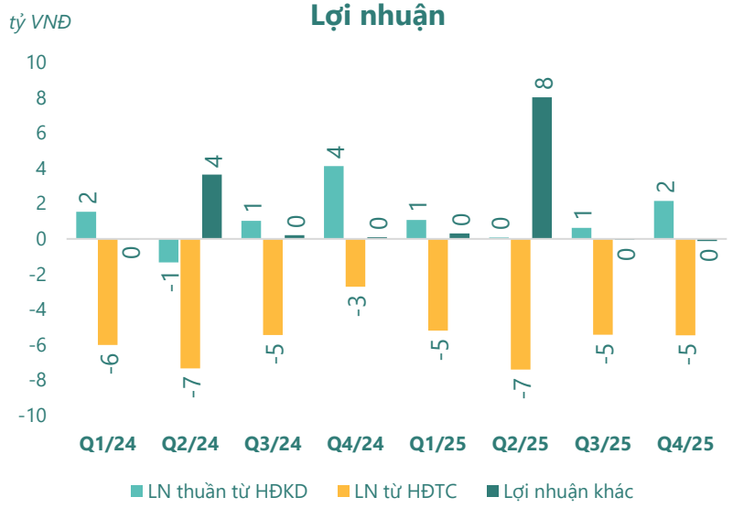
KẾT QUẢ KINH DOANH

Doanh thu thuần, Lợi nhuận gộp



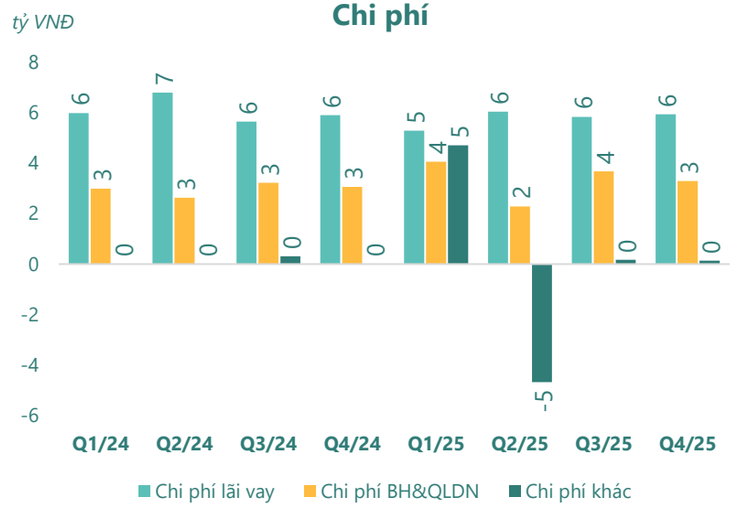
(Nguồn: fireant.vn)

Lợi nhuận



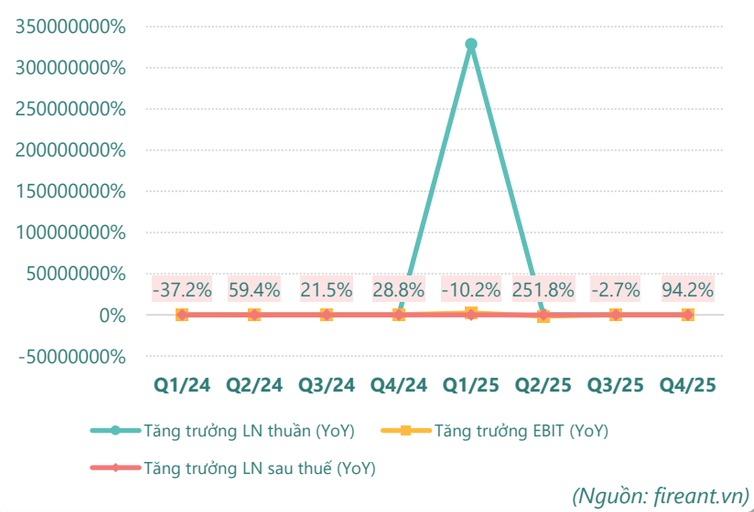
(Nguồn: fireant.vn)

Chi phí



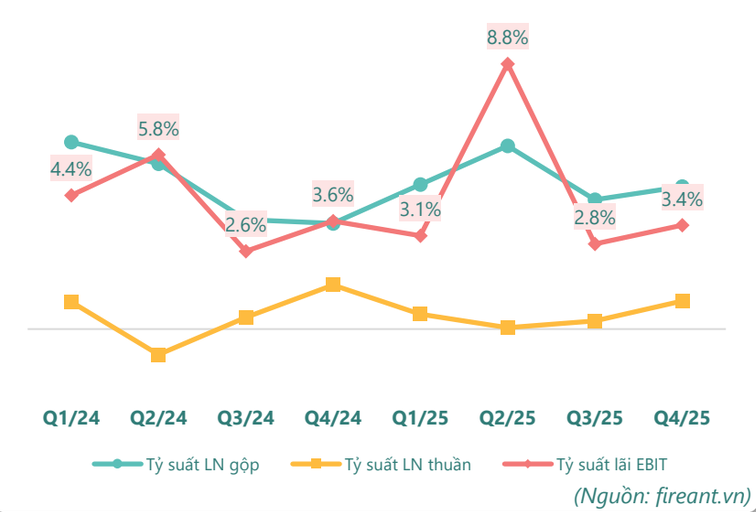
(Nguồn: fireant.vn)

Tăng trưởng lợi nhuận



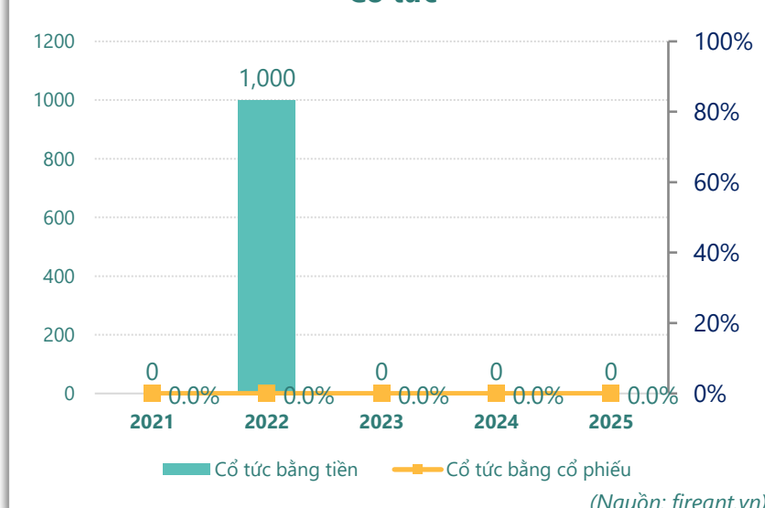
(Nguồn: fireant.vn)

Tỷ suất sinh lợi



(Nguồn: fireant.vn)

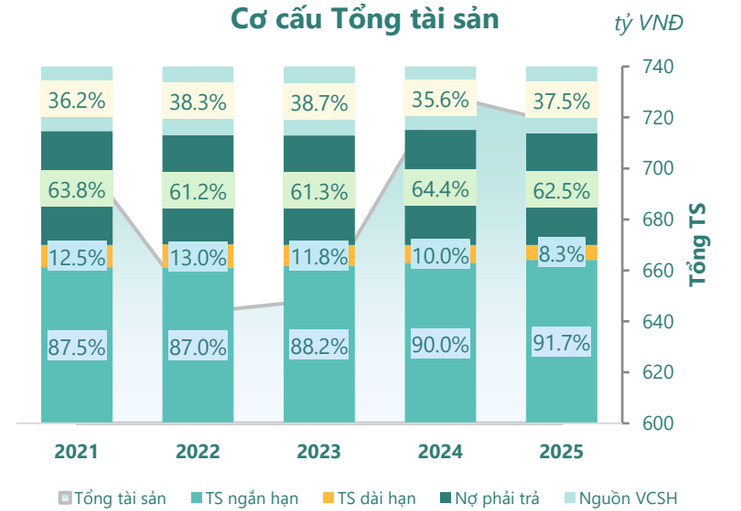
Cổ tức



(Nguồn: fireant.vn)

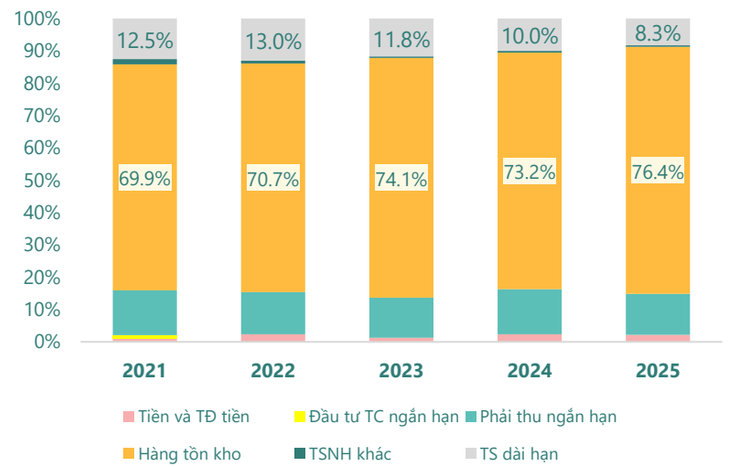
TÀI SẢN - NGUỒN VỐN

Cơ cấu Tổng tài sản



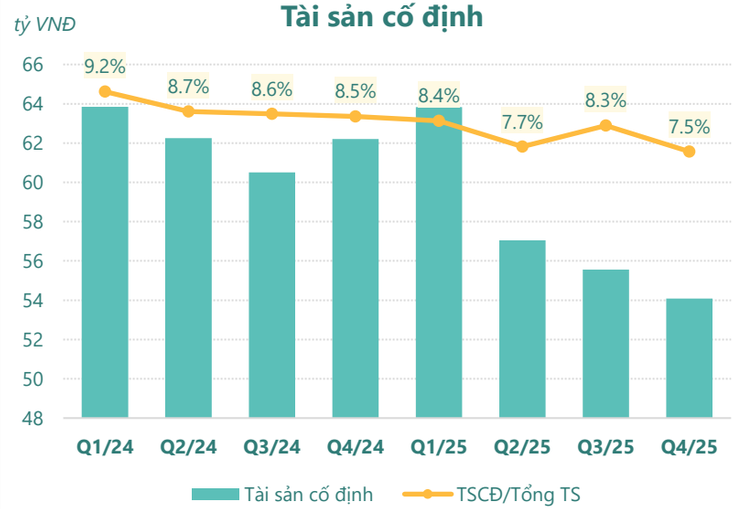
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu TS ngắn hạn/Tổng TS



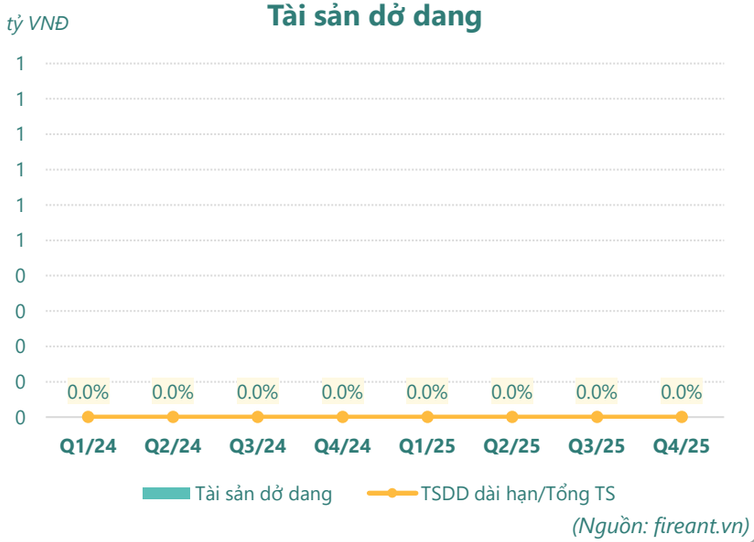
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định



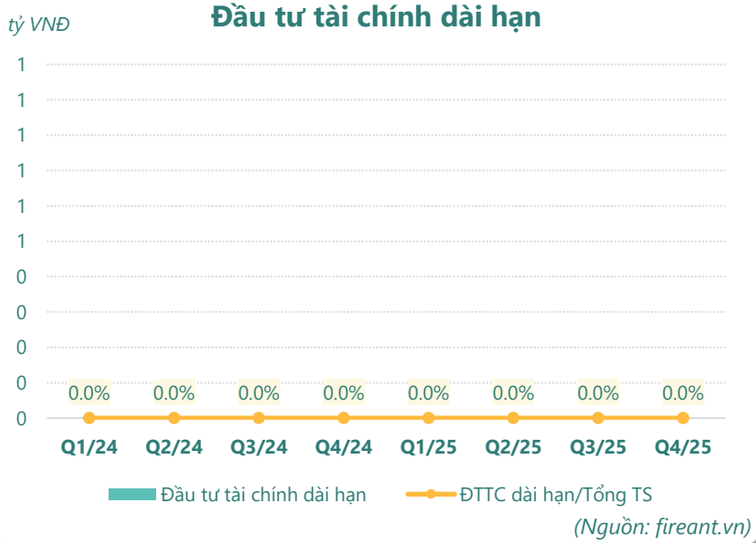
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang



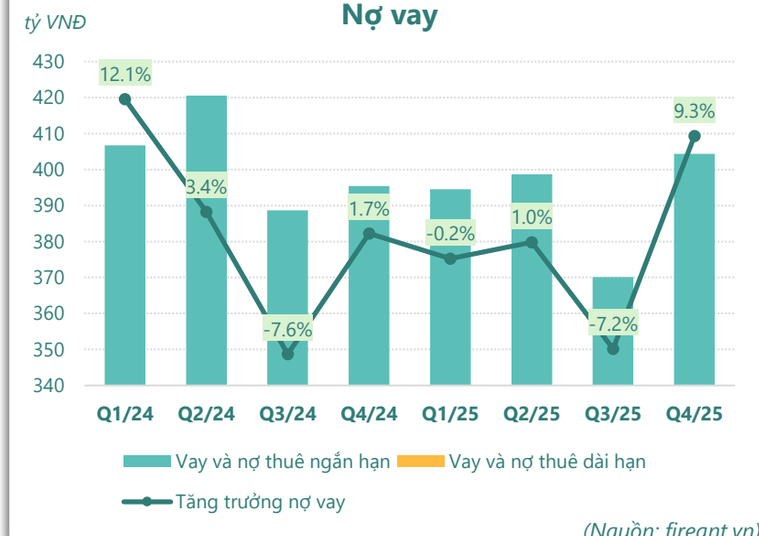
(Nguồn: fireant.vn)

Đầu tư tài chính dài hạn



(Nguồn: fireant.vn)

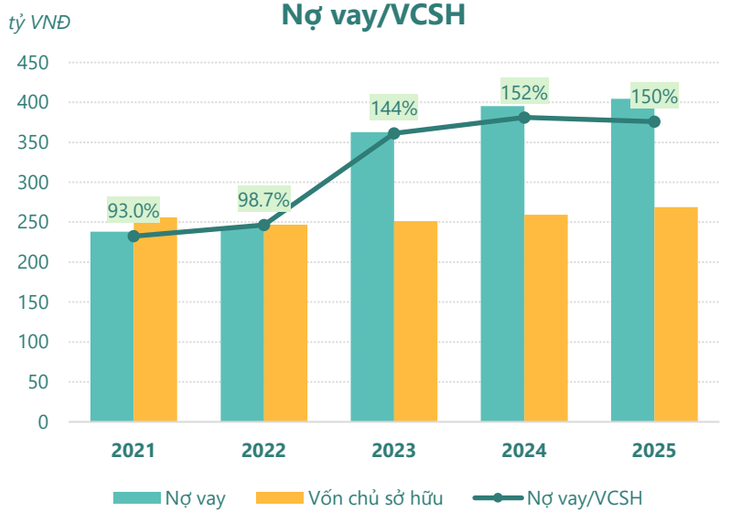
Nợ vay



(Nguồn: fireant.vn)

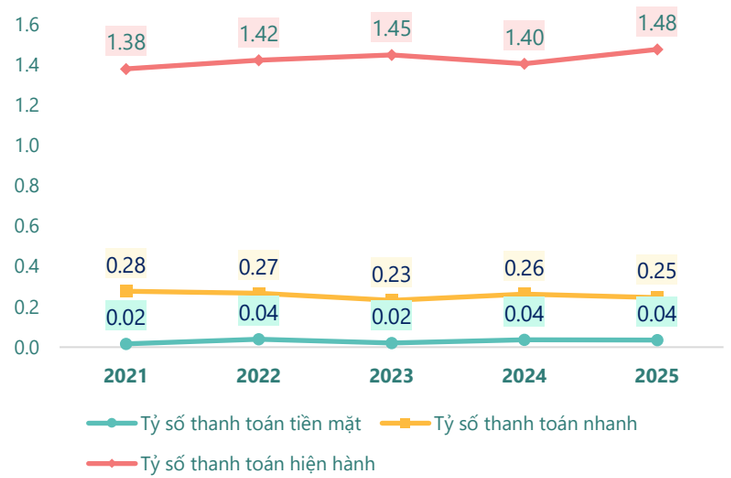
HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG

Nợ vay/VCSH



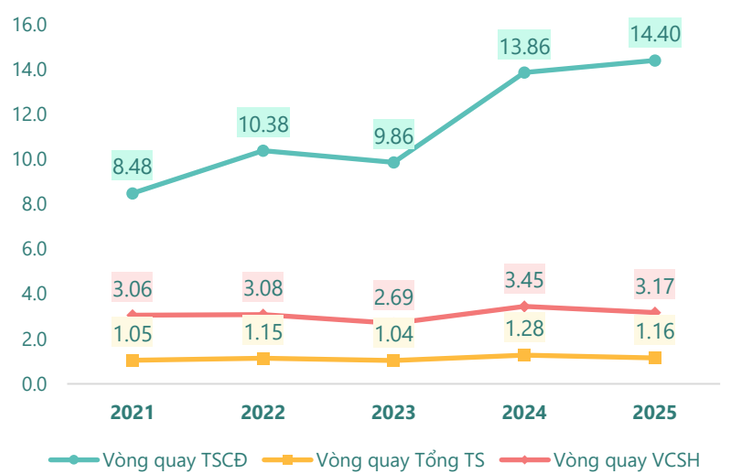
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



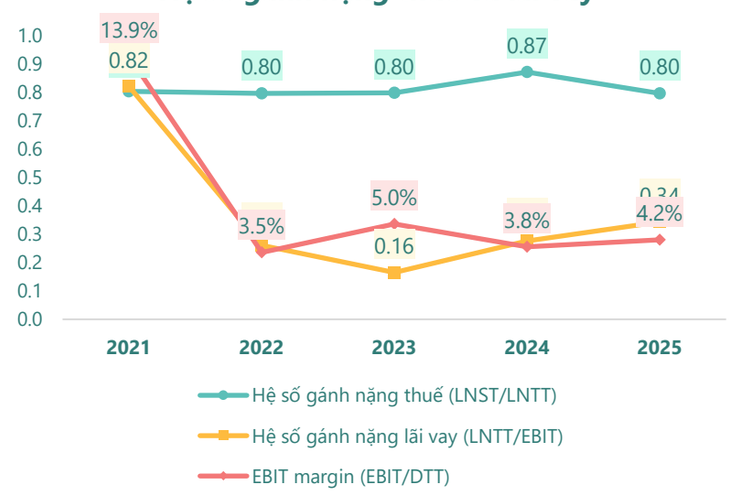
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



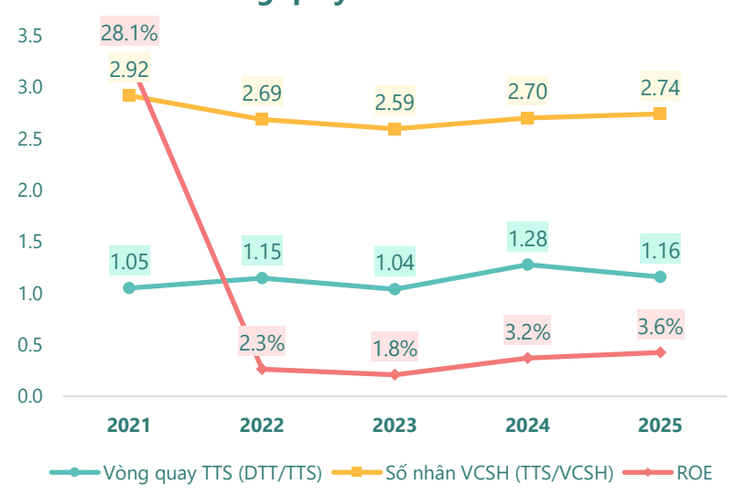
(Nguồn: fireant.vn)

Hệ số gánh nặng thuế và lãi vay



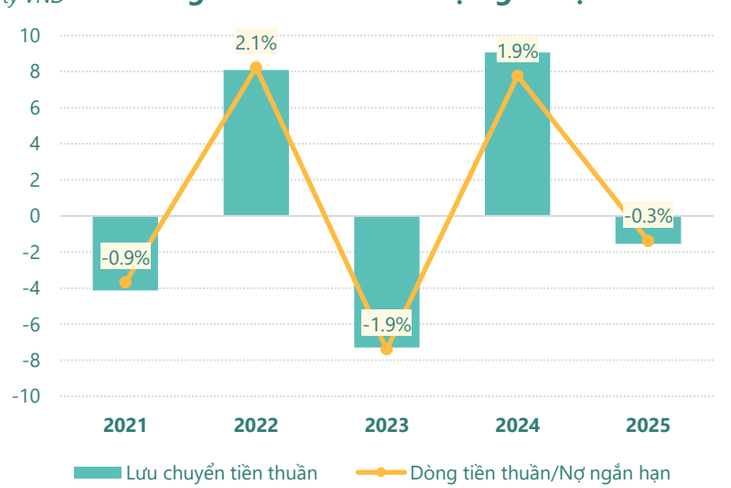
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản và ROE



(Nguồn: fireant.vn)

Dòng tiền thuần trên Nợ ngắn hạn



(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q4/25	Q4/24	Thay đổi YoY	2025	2024	Thay đổi YoY
Doanh thu thuần	**232**	**283**	**-18.0%**	**837**	**880**	**-4.8%**
Giá vốn hàng bán	221	273	-19.0%	796	841	-5.3%
Lợi nhuận gộp	10.9	9.90	10.4%	40.8	38.8	5.2%
Doanh thu HĐTC	0.53	3.46	-84.8%	1.15	3.73	-69.1%
Chi phí TC	6.00	6.18	-3.0%	24.7	25.2	-2.2%
Chi phí lãi vay	5.95	5.91	0.6%	23.1	24.4	-5.1%
LN trong công ty LKLD	**0**	**0.00**		**0**	**0**	
Chi phí bán hàng	1.42	0.82	73.0%	4.86	3.30	47.3%
Chi phí QLDN	**1.88**	**2.25**	**-16.3%**	**8.47**	**8.62**	**-1.7%**
LN thuần từ HĐKD	2.15	4.12	-47.7%	3.92	5.35	-26.7%
Lợi nhuận khác	**-0.12**	**0.09**	**-235%**	**8.16**	**3.95**	**107%**
LN trước thuế	2.03	4.21	-51.7%	12.1	9.30	29.8%
Lợi nhuận sau thuế	**1.73**	**4.06**	**-57.4%**	**9.61**	**8.11**	**18.6%**
LNST của CĐ cty mẹ	**1.73**	**4.06**	**-57.4%**	**9.61**	**8.11**	**18.6%**

(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền tệ (tỷ VNĐ)	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25	Q4/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	-0.89	10.7	-1.94	9.92	-12.1	-22.5
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	0.20	-9.30	-3.14	19.1	0.10	0.00
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	-31.9	6.72	-0.84	4.13	-28.6	34.3
Tiền đầu kỳ	41.7	9.09	17.2	11.3	44.5	3.92
Lưu chuyển tiền thuần	**-32.6**	**8.13**	**-5.92**	**33.2**	**-40.6**	**11.8**
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0	0	0.01	0	0.00
Tiền cuối kỳ	9.09	17.2	11.3	44.5	3.92	15.7

(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 31/12/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	**718**	**729**	**-1.6%**
Tài sản ngắn hạn	658	656	0.2%
Tiền và tương đương tiền	15.7	17.2	-9.0%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	0	0	
Phải thu ngắn hạn	90.7	102	-10.8%
Hàng tồn kho	548	533	2.8%
Tài sản ngắn hạn khác	3.28	4.07	-19.4%
Tài sản dài hạn	**59.7**	**72.8**	**-18.0%**
Phải thu dài hạn	0	0	
Tài sản cố định	54.1	62.2	-13.0%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	0	0	
Đầu tư tài chính dài hạn	0	0	
Tài sản dài hạn khác	**5.64**	**10.6**	**-46.8%**
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	449	470	-4.5%
Nợ ngắn hạn	**446**	**467**	**-4.6%**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	404	395	2.3%
Phải trả người bán ngắn hạn	37.6	67.8	-44.5%
Nợ dài hạn	3.04	2.66	14.1%
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	
Nguồn vốn chủ sở hữu	**269**	**259**	**3.7%**
Vốn chủ sở hữu	**269**	**259**	**3.7%**
Vốn điều lệ	150	150	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	**0**	**0**	

(Nguồn: fireant.vn)